

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DSPT

Ngày: 09 - 01 - 2023

V/v “tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thư;

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30 tháng 12 năm 2022 và các ngày 05, 09 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLPT- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS - ST ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Toà án nhân dân quận A bị bị đơn Bà Trần Kim B kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 350/2022/QĐPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số 4A B, phường C, quận A, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Hà T1. Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Kim B, sinh năm 1957;

Địa chỉ thường trú: số 178/38 đường D, phường C, quận A, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: số 261, đường số E, khu vực F, đường G, phường H, quận A, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Thanh T2;

Địa chỉ: 20 đường I, khu dân cư J, phường K, quận L, thành phố Cần Thơ.

3. Người làm chứng: Chị Trần Hoàng PH, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số 261, đường số E, khu vực F, đường G, phường H, quận A, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn Ông Võ Hà TI trình bày và yêu cầu:

Thông qua quen biết làm ăn với Chị Trần Hoàng PH là con gái của Bà Trần Kim B thì bà Kim B và con gái có vay của Ông Nguyễn Chí H một số tiền nhiều lần nhận là 2.500.000.000 đồng nhưng bà Kim B và con gái Trần Hoàng PH không có khả năng chi trả nên bà Kim B đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1572, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại số 261, đường số E, Khu vực F, đường G, phường H, quận A, thành phố Cần Thơ với giá chuyển nhượng là 5.600.000.000 đồng. Ngày 9/12/2021 Ông Nguyễn Chí H đặt cọc cho bà Kim B số tiền là 100.000.00 đồng và yêu cầu Văn phòng thừa phát lại Cần Thơ lập vi bằng ghi nhận sự kiện Ông Nguyễn Chí H giao số tiền là 100.000.000 đồng cho bà Kim B và bà Kim B cũng như đồng ý số tiền 2.500.000.000 đồng mà bà và con gái là Trần Hoàng PH vay của Ông Nguyễn Chí H cũng trở thành số tiền đặt cọc, các bên cũng thỏa thuận trong thời hạn hai tháng (kể từ ngày 09/12/2021) thì bà Kim B sẽ làm thủ tục chuyển nhượng căn nhà cho Ông Nguyễn Chí H, nhưng hết hạn theo thỏa thuận là ngày 09/02/2022 bà Kim B không làm đúng như thỏa thuận trong vi bằng ngày 09/12/2021 là nếu không đồng ý bán căn nhà 261, đường số E, khu vực F, đường G, phường H, quận A, thành phố Cần Thơ cho Ông Nguyễn Chí H thì phải ngay lập tức trả lại cho Ông H số tiền 100.000.000 đồng, đối với số tiền 2.500.000.000 đồng còn lại bà Kim B phải trả cho Ông Nguyễn Chí H mỗi tháng không dưới 7.000.000 đồng và phải trả hết trong vòng 5 năm.

Cho đến ngày 15/3/2022 đã quá hạn mà Ông Nguyễn Chí H và bà Kim B thỏa thuận trong vi bằng ngày 09/12/2021 nhưng bà Kim B không làm đúng theo thỏa thuận không trả lại cho Ông Nguyễn Chí H được bất cứ khoản tiền nào. Để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Ông Nguyễn Chí H có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Kim B phải trả lại cho Ông Nguyễn Chí H số tiền là 2.600.000.000 đồng.

- Bị đơn Bà Trần Kim B vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản án số 134/2022/DS-ST ngày 04 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận A đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Chí H đối với Bà Trần Kim B.

- Buộc Bà Trần Kim B trả cho Ông Nguyễn Chí H số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì còn phải chịu thuê lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự. Bản án nêu trên đã bị bị đơn Bà Trần Kim B kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp chứng cứ mới.

Phía nguyên đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận A.

Đại diện bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về Thụ lý xét xử phúc thẩm (Điều 285); Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm (Điều 286); Cung cấp tài liệu, chứng cứ (Điều 287); Triệu tập những người tham gia tố tụng (Điều 294).

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng theo thẩm quyền được quy định tại Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay thể hiện giữa nguyên đơn Ông Nguyễn Chí H và Bà Trần Kim B có vay mượn tiền với nhau nhiều lần và giữa Ông H với con gái của bà B là bà Trần Hoàng PH có chơi hụi và vay nợ với nhau. Sau nhiều lần vay nợ và chơi hụi giữa Ông H và Chị PH chưa kết nợ nên vào ngày 09/12/2021 Ông H có mời Văn phòng thừa phát lại Cần Thơ đến nhà bà Kim B lập vi bằng ghi nhận số nợ cộng dồn từ năm 2015 đến năm 2021 gồm khoản nợ vay và nợ hụi là 2.600.000.000 đồng, thành tiền đặt cọc để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa 1572. Hai bên tiến hành lập Vi bằng số 216/2021/VB-TPLCT được lập ngày 09/12/2021 có nội dung là thực hiện việc chuyển nhượng nhà, đất của bị đơn cho nguyên đơn nhưng thực chất đây là thỏa thuận nhằm bảo đảm cho khoản vay mà nguyên đơn đã cho bị đơn vay. Theo nội dung tại trang 2 phần 2 của vi bằng “Nếu quá thời

gian 02 tháng nêu trên mà tôi không đến tổ chức công chứng ký sang tên nhà - đất cho Ông H thì tôi sẽ hoàn trả lại ngay số tiền 100.000.000 đồng. Còn số tiền 2.500.000.000 đồng tôi sẽ trả cho Ông H trong vòng 5 năm và mỗi tháng trả không dưới 7.000.000 đồng/ tháng, cho đến khi đủ số tiền này”. Như vậy, đối với số tiền 2.500.000.000 đồng là số tiền mà Chị PH nợ Ông H, vấn đề này nguyên đơn cũng thừa nhận là khoản nợ của Chị PH vì hai bên đã nhiều lần giao dịch với nhau là tiền vay và tiền hui; bà Kim B chỉ nhận 100.000.000 đồng tại thời điểm lập vi bằng, nhưng cấp sơ thẩm không đưa Chị PH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 73 BLTTDS năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà PH là người làm chứng nên không thể thay đổi địa vị tố tụng mà buộc bà PH có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với bà Kim B.

Đối với việc lập Vi Bằng ngày 09/12/2021 giữa Ông H và bà B là vô hiệu do đã vi phạm các quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 8 Điều 37 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 quy định về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại vì Vi bằng được lập sẵn, không thể hiện đúng sự kiện khách quan; ý kiến của bà Kim B cũng được viết sẵn, chỉ có chữ ký là của bà Kim B nên không thể căn cứ vào vi bằng để buộc bà Kim B có trách nhiệm trả nợ cho Ông H, trong khi nguyên đơn cũng thừa nhận nợ này có phần của bà PH. Các bên cũng thừa nhận khoản nợ này không phải chuyển giao từ bà PH và bà Kim B nên không thể buộc bà Kim B trả nợ thay bà PH. Do vi bằng lập không đúng quy định nên không thể xem Vi bằng là chứng cứ để buộc bà Kim B có trách nhiệm trả nợ thay cho bà PH số tiền 2.500.000.000 đồng.

Từ những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như trên tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Cần Thơ, chuyển toàn bộ hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Phần án phí và chi phí thẩm định: sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do Bà Trần Kim B được miễn nên không phải nhận lại án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Theo đơn kháng cáo bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án. Cụ thể

- Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của các đương sự đều xác nhận khoảng tiền 2.500.000.000 đồng thể hiện trong Vi bằng là tiền nợ vay và hui của bà Kim B và bà Trần Hoàng PH nợ Ông Nguyễn Chí H nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà Trần Hoàng PH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cũng như không đảm bảo cho việc thi hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với khoản nợ 2.500.000.000 đồng cả bà Kim B, bà Hoàng Phụng đều thừa nhận và thống nhất khoản nợ này bao gồm cả tiền hui, vay của bà Kim B, bà PH nợ Ông H. Tuy nhiên, theo nội dung Vi bằng số 216/2021/VB – TPLCT của Văn phòng thừa phát lại cần Thơ bà Kim B xác nhận bà có nhận của Ông H số tiền này (tại trang 2 của Vi bằng). Điều này thể hiện giữa Ông H, bà Kim B, bà PH đã có sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ với nhau. Theo đó, bà PH đã chuyển giao nghĩa vụ trả khoản nợ của mình cho bà Kim B và được sự đồng ý của Ông H. Mặc dù, sự thỏa thuận này không được thỏa thuận bằng văn bản riêng nhưng Ông H, bà PH, bà Kim B đều biết có sự thỏa thuận này và đều không có ý kiến phản đối gì. Điều này được thể hiện tại bức ảnh chụp trong Vi bằng có mặt Ông H, bà Kim B, bà PH đồng thời quá trình xét hỏi tại phiên tòa đại diện Ông H, đại diện bà Kim B, bà PH đều thừa nhận tại buổi ký Vi bằng đều có mặt cả Ông H, bà PH và bà Kim B. Do đã có sự chuyển giao nghĩa vụ trả nợ nên bà Kim B là người có trách nhiệm trả nợ cho Ông H. Khi bà Kim B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ Ông H khởi kiện chỉ yêu cầu bà Kim B trả nợ là đúng theo thỏa thuận và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đồng thời không đưa bà PH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

- Về nội dung: Đại diện bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm căn cứ vào Vi bằng để buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nhưng Vi bằng được lập đã vi phạm vào các khoản 4,5,8 Điều 37 Nghị định số 08/2020 ngày 08/01/2020 của Chính Phủ nên Vi bằng này là vô hiệu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem Vi bằng là chứng cứ giải quyết vụ kiện và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phản ánh đúng bản chất của vụ án.

Xét thấy, qua xác minh cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy, Vi bằng số 216/VB – TPLCT được lập trước nội dung và Thừa phát lại không chứng kiến việc giao nhận số tiền 2.500.000.000 đồng nhưng bà Kim B đã được thông qua cũng như có đọc lại nội dung Vi bằng và đồng ý ký xác nhận coi như bà đã thừa nhận số nợ này. Từ đó cho thấy Vi bằng có vi phạm khoản 4, 5, 8 Điều 37 Nghị định 08, những vi phạm này chủ yếu về mặt thủ tục lập Vi bằng nhưng nội dung Vi bằng đã phản ánh đúng ý chí của các đương sự về số nợ 2.500.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nội dung này chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở;

Tại phiên tòa phía bị đơn cho rằng bà Kim B ký Vi Bằng do có sự ép buộc của Ông H nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày này. Ngoài ra, đại diện bị đơn và bà PH còn cho rằng mặc dù ký nhận số tiền 2.500.000.000 đồng nhưng giữa các bên chưa ngồi lại với nhau để đối chiếu các khoản nợ vay,

hụi bao nhiêu nên con số này là chưa chính xác. Tuy nhiên, quá trình giải quyết các bên không cung cấp các biên nhận nợ hay sổ ghi chép về tiền hụi. Tại phiên tòa, đại diện của bà Kim B cũng như bà PH đều thừa nhận sau khi ký Vi bằng thì các bên không có ngồi lại với nhau để đối chiếu các khoản nợ cũng như không có ý kiến phản đối nào đối với nội dung Vi bằng; đến khi bà Kim B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ông H khởi kiện thì bà Kim B, bà PH mới đưa ra ý kiến này cho thấy lời trình bày này của phía bị đơn chưa có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu kháng cáo về việc hủy bản án sơ thẩm của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã tuyên là có cơ sở nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Kim B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Trần Kim B.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 Tòa án nhân dân quận A, thành phố Cần Thơ.

2.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Chí H đối với Bà Trần Kim B.

- Buộc Bà Trần Kim B trả cho Ông Nguyễn Chí H số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ông Nguyễn Chí H được nhận lại số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001911 ngày 06/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Bà Trần Kim B được miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Kim B được miễn nộp theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Cần Thơ;
- TAND quận A;
- Chi Cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan